

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 02/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Xa Văn Nho

- Ông Nguyễn Văn Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Bích Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST- HS ngày 14/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn S, sinh ngày 27/01/1998; tại: Xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn P1, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 13/2016/HSST ngày 28/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/01/2017 nhưng chưa được xóa án tích; tại bản án số 19/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xử phạt 12 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”; nhân thân: Xấu; bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lý Tài T2, sinh năm 1967; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Trần Quang L, sinh năm 1998; vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 7, thôn P1, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1976; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 3, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm: 1996; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H1, phường T6, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 10 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Văn Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu trắng- đen, biển số 76C1-117.38 đến quán internet Bìn Bìn thuộc thôn Th, xã P, huyện T để chơi game. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Đỗ Văn S cũng đến quán internet Bìn Bìn để chơi game. S và Tr là bạn bè quen biết nhau từ trước nên trong lúc chơi game S mượn xe mô tô biển số 76C1-117.38 của Tr đi mua card điện thoại, Tr đồng ý nên giao xe và chìa khóa xe cho S mượn. Sau khi mua card điện thoại xong, S đem xe và chìa khóa trả lại cho Tr và cả hai tiếp tục chơi game tại quán Bìn Bìn.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, S tiếp tục mượn xe của Tr để về nhà tắm rửa, Tr đồng ý nên đã giao chìa khóa và xe mô tô biển số 76C1-117.38 cho S mượn, S điều khiển xe 76C1-117.38 về nhà S ở xóm 7, thôn P1, xã P, huyện T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô 76C1-117.38 đến nhà Trần Quang L là bạn S rủ L vào thành phố N chơi. Trên đường đi, S nảy sinh ý định cầm cổ xe 76C1-117.38 mượn của Tr để lấy tiền tiêu xài. S vừa điều khiển xe vừa nói ý định cầm xe của Sướng cho L nghe nhưng L không nghe rõ nội dung gì. Sau đó, S điện thoại cho Nguyễn Văn Tr1, nhờ Tr1 cầm giúp xe mô tô 76C1-117.38, Tr1 không biết nguồn gốc xe 76C1-117.38 ở đâu mà S có nhưng vì là bạn quen biết với nhau từ trước nên Tr1 đồng ý giúp S. Tr1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ để nhờ Đ cầm giúp xe, Đ đồng ý và nói Tr1 đem xe đến quán tạp hóa của gia đình Đ ở số nhà 75, đường Đ1, thành phố N.

Sau khi gọi điện thoại xong Tr1 đến nhà nghỉ 99, đường P2, thành phố N và gọi điện thoại nói S đến nhà nghỉ 99 để đem xe đi cầm. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô 76C1-117.38 đến nhà nghỉ 99. Tại đây, S gặp Tr1, Th1 (bạn của Tr) và bạn gái của Th1, S giao xe mô tô 76C1-117.38 và chìa khóa xe cho Tr1, Tr1 điều khiển xe đến quán tạp hóa của mẹ Đ ở số nhà 75, đường Đ1, thành phố N để gặp Đ. Tại đây, Đ đồng ý cầm xe với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và lấy trước tiền lãi 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), đưa cho Tr1 số tiền 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tr1 nhận tiền rồi giao xe 76C1-117.38 và chìa khóa xe cho Đ, hai bên cầm xe không lập hợp đồng. Sau đó, Trường đón taxi đến nhà nghỉ 99 gặp S và đưa cho S số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Do thời gian trước đó S thiếu nợ Tr1 số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) nên S trả cho Tr1 100.000 đồng, S đưa cho Th1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để mua đồ về nhậu tại nhà nghỉ 99 cùng Tr1, L, Th1 và bạn gái của Th1. Sau khi nhậu xong, S và L dùng

số tiền cầm xe còn lại là 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) để chơi game và tiêu xài cá nhân.

Sau khi cho S mượn xe nhưng không thấy trả, anh Nguyễn Văn Tr đã nhiều lần điện thoại cho S nhưng không liên lạc được nên anh Tr đã gửi đơn tố giác tội phạm đến Công an huyện T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: tại thời điểm xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu trắng – đen, bánh đúc, biển số 76C1-117.38, số khung C641DY025704, số máy 5C641025709 bị xâm phạm có giá trị là 14.625.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Đỗ Văn S đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra xác định ngày 28 tháng 7 năm 2016, Đỗ Văn S bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 24 tháng 01 năm 2017 S chấp hành xong án phạt tù chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, ngày 23/11/2018 tại bản án số 19/2018/HSST bị Tòa án nhân dân huyện T kết án 12 (mười hai) tháng tù về tội Hủy hoại tài sản.

Bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSST ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Đỗ Văn S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đỗ Văn S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, tuy nhiên bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 19/2018/HSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Bị cáo không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đỗ Văn S: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đỗ Văn S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức xem thường pháp luật vào ngày 10 tháng 7 năm 2018 sau khi bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius biển số 76C1-117.38 của anh Nguyễn Văn Tr để sử dụng, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã đem chiếc xe của anh Tr đi cầm cố với số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị chiếc xe mô tô biển số 76C1-117.38 tại thời điểm bị xâm phạm là 14.625.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn S.

Xét thấy: Ngày 19/6/2018 bị cáo thực hiện hành vi “Hủy hoại tài sản” đến ngày 10/7/2018 bị cáo thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tại Bản án số 13/2016/HSST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích nên tại bản án số 19/2018/HSST ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân T đã áp dụng tình tiết tái phạm được qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự với bị cáo Đỗ Văn S. Theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội và nguyên tắc một tình tiết không thể áp dụng hai lần đối với người phạm tội nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm đối với bị cáo trong vụ án này. Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm đối với bị cáo là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Tại bản án số 19/2018/HSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3] Anh Trần Quang L là người đi cùng với bị cáo và cùng tiêu xài số tiền do bị cáo cầm cố xe mà có nhưng khi bị cáo cầm cố xe mô tô biển số 76C-117.38 anh Trần Quang L không biết và cũng không biết chiếc xe là do bị cáo mượn của anh Nguyễn Văn Tr nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Quang L là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Văn Tr1, khi S nhờ Tr1 cầm cố giúp xe mô tô 76C1 – 117.38, Tr1 không biết về nguồn gốc xe này do S mượn của Tr nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự Tr1 là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Văn Đ là người nhận cầm cố xe mô tô 76C1 – 117.38, Đ không biết xe mô tô 76C1 – 117.38 do S mượn của Tr, tuy nhiên việc cầm đồ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không được phép kinh doanh cầm đồ mà nhận cầm cố xe mô tô 76C1 – 117.38 nên hành vi này đã vi phạm về an ninh, trật tự, Công an huyện T đã xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với anh Đ số tiền là 5.000.000 (năm triệu đồng) theo qui định tại điểm a, khoản 3, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 mà không truy cứu trách nhiệm hình sự Đ là có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius biển số 76C1-117.38 đã trả lại cho bị hại anh Nguyễn Văn Tr, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo Đỗ Văn S phải trả lại cho anh số tiền mà anh đã đưa cho bị cáo khi cầm cố chiếc xe mô tô biển số 76C1-117.38 của anh Nguyễn Văn Tr là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Buộc bị cáo Đỗ Văn S phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 18 (Mười tám) tháng tù;

Tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 19/2018/HSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh là 12 (Mười hai) tháng tù. Buộc bị cáo Đỗ Văn S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Văn S phải trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Đỗ Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Huyện Tịnh;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Tịnh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Tịnh;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã Ký)

Lê Thị Tuyết Nga

